

Bản án số: 48/2026/HNGĐ-ST

Ngày 24/4/2026

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thế Trang Đền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Từ Xuân Tiếng.

2. Bà Võ Thị Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lan Chi, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7- Vĩnh Long.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 7- Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2026/QĐST-HNGĐ NGÀY 10/4/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm: 1968; Địa chỉ: D, ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là 468, ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre).

- Bị đơn: Ông Lý Kinh K, sinh năm: 1969; Địa chỉ: D, ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là 463, ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre).

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/11/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Phạm Thị L trình bày:

Bà và bị đơn là ông Lý Kinh K chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre (cũ), nay là Ủy Ban nhân dân xã H, tỉnh Vĩnh Long, vào ngày 26/11/1996. Hôn nhân do tự nguyện. Sau kết hôn, cuộc sống hôn nhân vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây ra mâu thuẫn về kinh tế gia đình, không còn tiếng nói chung. Dù gia đình hai bên đã có hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do tình cảm vợ chồng không còn nữa nên bà có yêu cầu ly hôn với ông K.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên là Lý Xuân T, sinh ngày 19/9/1998; Lý Xuân G, sinh ngày 20/3/1992 và Lý Khởi H, sinh ngày 15/6/2001. Hiện nay cả 03 con chung đều đã trưởng thành, có gia đình riêng, tự lao động sinh sống được nên bà không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện tại bà bận công việc riêng, không thể sắp xếp thời gian đến Tòa tham gia giải quyết vụ án được nên bà có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bà sẽ không có khiếu nại.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long đã thông báo và tổ chức phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông K đều vắng mặt không lý do.

Do không thể tiến hành hòa giải được, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long đã đưa vụ án ra xét xử vào ngày 10 tháng 4 năm 2026, ông K vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm được mở lại vào ngày hôm nay, ông K vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng*: Đối với bà Phạm Thị L là nguyên đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Lý Kinh K là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà L và ông K.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà L và ông K tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre (cũ), nay là Ủy Ban nhân dân xã H, tỉnh Vĩnh Long, vào ngày 26/11/1996 nên quan hệ hôn nhân của ông bà được coi là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét thấy hôn nhân của bà L và ông K được xác lập trên cơ sở tự nguyện của cả hai phía. Quá trình chung sống bà L cho rằng ông bà xảy ra bất đồng quan điểm nên không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau. Theo bà L trình bày, bà và ông K đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không còn tiếng nói chung. Dù gia đình hai bên đã có hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả nên bà và ông K đã tự chia tay và sống ly thân với nhau. Sau khi bà L có yêu cầu xin ly hôn với ông K, Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải để tạo điều kiện động viên cho bà L và ông K hàn gắn nhưng ông K đều vắng mặt không lý do nên không thể tiến hành hòa giải cho bà L và ông K đoàn tụ được. Việc ông K vắng mặt là ông K đã bỏ mặc với yêu cầu xin ly hôn của bà L, đã đương nhiên từ bỏ

quyền trình bày và quyền cung cấp chứng cứ của mình tại Tòa. Do bà L không còn tình cảm vợ chồng với ông K nữa nên bà có yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K. Tòa án đã động viên bà L trở về cùng đoàn tụ với ông K nhưng bà L không đồng ý vẫn cương quyết xin ly hôn với ông K.

Qua đó cho thấy, cuộc sống hôn nhân của bà L và ông K đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà L cho bà L được ly hôn với ông K.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, bà L và ông K có 03 con chung tên là Lý Xuân T, sinh ngày 19/9/1998; Lý Xuân G, sinh ngày 20/3/1992 và Lý Khởi H, sinh ngày 15/6/2001. Hiện nay cả 03 con chung đều đã trưởng thành, có gia đình riêng, tự lao động sinh sống được, bà L không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà L khai không có và không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do ông K không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn nên không xem xét được ông K có yêu cầu về việc tranh chấp tài sản chung và nợ chung hay không. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

- *Về án phí*: bà L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Phạm Thị L được ly hôn với ông Lý Kinh K.

2. *Về con chung*: Ghi nhận bà Phạm Thị L và ông Lý Kinh K có 03 con chung tên là Lý Xuân T, sinh ngày 19/9/1998; Lý Xuân G, sinh ngày 20/3/1992 và Lý Khởi H, sinh ngày 15/6/2001. Hiện nay cả 03 con chung đều đã trưởng thành, có gia đình riêng, tự lao động sinh sống được nên không xem xét.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

4. *Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Bà Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu số 0012069 ngày 15/12/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà L đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, các bên đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7- Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Hưng Nhượng, tỉnh Vĩnh Long
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Võ Thế Trang Đền

